

Số: 1158/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất năm 2017
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh về ban hành cơ chế, chính sách phát triển một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 302/TTr-STNMT ngày 27/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Tổ công tác theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*AV*

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT - Hiệu 50 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cầm Ngọc Minh

KẾ HOẠCH

Khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La)

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh về ban hành cơ chế, chính sách phát triển một số lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch khai thác quỹ đất để tạo nguồn thu từ đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tạo ra quỹ đất sạch để đầu tư giá đất tăng nguồn thu cho ngân sách; góp phần chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai nhanh, gọn, dứt điểm từng dự án.
- Đảm bảo đúng các quy định của Luật Đất đai, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.
- Đảm bảo ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong khu vực thu hồi đất; không để mất đoàn kết, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình thu hồi đất.

II. NGUỒN TẠO QUỸ ĐẤT SẠCH

Nguồn tạo quỹ đất sạch từ các loại đất: Quỹ đất đã thu hồi của các tổ chức, cá nhân; Đất sản xuất nông nghiệp của các xã, bản, hợp tác xã đang quản lý, sử dụng; Đất do các cơ quan, đơn vị (*giải thể, sáp nhập, chuyển địa điểm, sắp xếp lại trụ sở làm việc...*); Đất của các tổ chức kinh tế sử dụng hiệu quả thấp, các tổ chức có vi phạm pháp luật đất đai, đất hết thời hạn sử dụng đất nhưng không được Nhà nước gia hạn sử dụng, các tổ chức không còn nhu cầu sử dụng đất; các dự án khai thác quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ,...

III. CHỈ TIÊU THỰC HIỆN

Tổng số khu đất dự kiến đầu tư là: 97 khu đất; số tiền thu khoảng 859.617,7 tỷ đồng (*chi tiết từng huyện, thành phố có biểu kèm theo*).

IV. NỘI DUNG, TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Thành lập tổ công tác để tạo quỹ đất sạch

UBND các huyện, thành phố thành lập Tổ công tác để rà soát, xác định quỹ đất sạch. Thành phần gồm: Chủ tịch UBND cấp huyện - Tổ trưởng, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường - Tổ phó, các thành viên gồm lãnh đạo các phòng, đơn vị: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế hạ tầng hoặc Quản lý đô thị; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế, cơ quan báo, đài phát thanh truyền hình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn nơi có đất, cán bộ địa chính.

2. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Về quy hoạch sử dụng đất: Trên cơ sở các khu đất dự kiến tạo quỹ đất sạch và quy hoạch chi tiết được duyệt, tổ công tác rà soát, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch chi tiết, quy hoạch sử dụng đất từng khu đất cho phù hợp với mục đích sau đó thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.

- Về kế hoạch sử dụng đất: UBND các huyện, thành phố giao phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất để làm căn cứ thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

- UBND cấp huyện giao chủ đầu tư thực hiện dự án tạo quỹ đất sạch.

- Chủ đầu tư liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất hoặc Ban quản lý dự án *(đối với các huyện chưa có Trung tâm phát triển quỹ đất)* để thực hiện.

4. Triển khai các dự án để bố trí tái định cư: UBND các huyện, thành phố triển khai các dự án để bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân, các tổ chức phải di chuyển địa điểm.

5. Thu hồi đất: UBND các huyện, thành phố triển khai các thủ tục thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án; trình UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi đất của các tổ chức thuộc thẩm quyền thu hồi của UBND tỉnh.

6. Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá: UBND cấp huyện xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất đấu giá *(nếu có)*.

7. Xác định giá cụ thể: UBND cấp huyện thực hiện xác định giá cụ thể hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ chức năng để xác định giá đất cụ thể, trình Hội đồng thẩm định giá của tỉnh thẩm định.

8. Tổ chức đấu giá đất: UBND các huyện, thành phố triển khai các thủ tục đấu giá đất, thu tiền sử dụng đất theo quy định.

9. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: UBND cấp huyện thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo kết quả trúng đấu giá cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

10. Ứng vốn để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch: Hàng năm UBND các huyện, thành phố đăng ký kế hoạch vay vốn gửi UBND tỉnh phê duyệt. Lập hồ sơ vay vốn theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 3120/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 gửi Quỹ phát triển đất tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các huyện, thành phố

Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại phần IV, Kế hoạch này.

2. Sở Xây dựng

Hướng dẫn các huyện, thành phố lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu đất dự kiến đấu giá tạo nguồn thu từ đất; tháo gỡ vướng mắc liên quan đến quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Sở Tài chính

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố cân đối, bố trí kinh phí lập quy hoạch chi tiết, xác định giá cụ thể, giá đất khởi điểm, giá đất để bồi thường, hỗ trợ (nếu có).

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố lập phương án xử lý, di chuyển tài sản trên đất (nếu có).

- Tổ chức họp Hội đồng thẩm định giá cụ thể của tỉnh để thẩm định giá đất cụ thể theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tham mưu, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tháo gỡ vướng mắc liên quan đến lĩnh vực tài chính trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố mời các nhà đầu tư tham gia vào các dự án tạo quỹ đất sạch.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất, trình UBND tỉnh quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Trình UBND tỉnh đề trình Thường trực HĐND tỉnh cho chủ trương thu hồi đất, bổ sung danh mục dự án vào kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Thẩm định phương án xác định giá đất cụ thể, trình Hội đồng thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt giá cụ thể làm cơ sở để đấu giá đất.

- Tham mưu, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức theo kết quả trúng đấu giá.

6. Sở Tư pháp

Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ và đấu giá tài sản thực hiện đấu giá đất theo quy định. Tổng hợp kết quả đấu giá đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

7. Quỹ phát triển đất

Thẩm định hồ sơ vay vốn, trình Hội đồng quản lý quỹ phát triển đất xem xét trình UBND tỉnh quyết định cho các huyện, thành phố hoặc Trung tâm phát triển quỹ đất ứng vốn để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch.

8. Tổ công tác thành lập theo Quyết định 1982/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

Đôn đốc UBND các huyện, thành phố triển khai tạo quỹ đất sạch.

Tham mưu cho UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tạo quỹ đất sạch.

Quá trình tổ chức thực hiện có vướng mắc, khó khăn báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để kịp thời chỉ đạo giải quyết. /*rv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



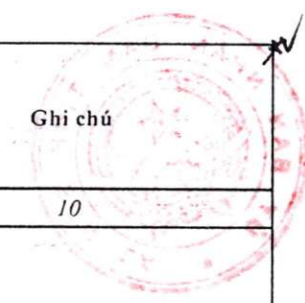
Cầm Ngọc Minh



THỐNG KÊ KHU ĐẤT DỰ KIẾN ĐẦU GIÁ TẠO NGUỒN THU TỪ ĐẤT NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Sơn La)

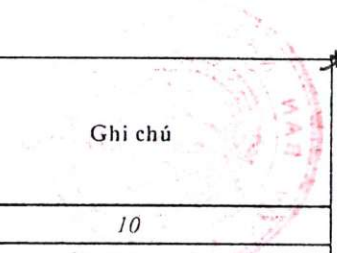
STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m ²)	Dự kiến giá 1 m ² (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
		Tổng cộng: 97 khu đất				275.427,2	-	859.617,7	
	I	Huyện Quỳnh Nhai				37.499,4		30.662,6	
1	1	Đầu giá đất khu đối diện chợ trung tâm huyện	Xã Mường Giàng	Đất đã thu hồi dự án TĐC thủy điện Sơn La hiện tại bỏ hoang	ODT	687,0	6,0	4.122,0	Bảo cáo số 255/BC-UBND ngày 25/5/2017 của UBND huyện Quỳnh Nhai về kết quả rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017 trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai
2	2	Khu trạm y tế xã Mường Giôn	Trung tâm cụm xã Mường Giôn	Đất trụ sở UBND xã cũ	ONT	888,8	3,0	2.666,4	
3	3	Đất trung tâm xã Mường Giôn	Mường Giôn	Đất trạm y tế cũ	ONT	897,0	2,5	2.242,5	
4	4	Đất trung tâm xã Mường Giôn	Mường Giôn	Nhà ở	ONT	265,6	3,0	796,8	
5	5	Khu đất xóm 3 xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	Đất đã thu hồi dự án TĐC thủy điện Sơn La hiện tại bỏ hoang	ONT	917,0	1,5	1.375,5	
6	6	Đất TT cụm xã Chiềng Khay (9 lô)	Xã Chiềng Khay	Đất trụ sở UBND xã cũ	ONT	162,9	1,2	195,5	
7	7	Khu Trạm y tế xã Mường Giàng (cũ) thuộc đất lô N15 (khu dân cư)	Ngã ba xã Mường Giàng	Nhà y tế xã, Nhà dân	ONT	3.000,0	0,9	2.550,0	
8	8	Các thửa đất quy hoạch dân cư	Xã Mường Giàng	Đất quy hoạch cho các hộ TĐC thủy điện sơn la còn thừa (Đất sạch)	ONT	5.000,0	0,8	4.000,0	
9	9	Đất ở đô thị Lô ODC-09 (34 thửa)	Phiêng Lanh	Quy hoạch Đất ở, đất Cây xanh, thể dục thể thao, đất công cộng (đất sạch) hiện trạng bỏ hoang	ONT	3.199,8	2,0	6.399,6	
10	10	Đất ở đô thị Lô ODH-81 (14 thửa)	Phiêng Nèn	ở (đất sạch)	ONT	981,0	0,3	294,3	
11	11	Đất ở đô thị Lô ODH-89 (4 thửa)	Phiêng Nèn	Đất quy hoạch cho các hộ TĐC thủy điện sơn la còn thừa (Đất sạch)	ONT	920,0	0,3	276,0	
12	12	Đất doanh nghiệp lô DN-01	Phiêng Lanh	Đất đã thu hồi của Công ty Tây bắc	PT Doanh nghiệp	5.014,7	0,0	2,5	



STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m2)	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
13	13	Đất doanh nghiệp lô DN-03	Phiêng Lanh	Đất sạch (hiện công ty bắc huy đang làm nhà lán cho công nhân ở tạm)	PT Doanh nghiệp	4.688,4	0,0	2,3	Bảo cáo số 255/BC-UBND ngày 25/5/2017 của UBND huyện Quỳnh Nhai về kết quả rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017 trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai
14	14	Đất dự trữ phát triển lô DT-05 cạnh kế hoạch hóa gia đình	Phiêng Lanh	Quy hoạch cho Trung tâm y tế nhưng không có khả năng xây dựng trụ sở	Dự trữ phát triển	1.814,4	0,0	1,5	
15	15	Trung tâm xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	Đất sạch đã thu hồi san ủi mặt bằng trung tâm cụm xã hiện có Nhà ở	ONT	6.062,8	0,6	3.637,7	
16	16	Trung tâm xã Chiềng Khoang	Bản Khoang, bản Hua Mường	Đất lúa, đất ao, cây lâu năm hiện đang có nhà ở	ONT	3.000,0	0,7	2.100,0	
II		Huyện Phù Yên				22.612,2		43.167,5	
17	1	Chợ thực phẩm tươi sống	Xã Huy Bắc	Đất trồng lúa đã thu hồi	ODT	1.494,9	2,5	3.737,3	Bảo cáo số 265/BC-UBND ngày 18/5/2017 của UBND huyện Phù Yên về kết quả rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017
18	2	Đất khu dân cư (Kế hoạch năm 2017 chuyển sang)	Khu Đô thị bán Phố xã Huy Bắc	Đất ruộng đã thu hồi	ODT	8.747,3	4,0	33.789,2	
19	3	Khu dân cư bán lá và giáp cổng chợ xã Gia Phù	xã Gia Phù	Khu dân cư	ONT	10.000,0	0,2	2.000,0	
20	4	Trụ sở đội thuế thị trấn cũ	Thị trấn Phù Yên	Đất xây dựng trụ sở	ODT	160,0	10,6	1.696,0	
21	5	Khu nhà làm việc cụm trạm khuyến nông tại xã Gia Phù	xã Gia Phù	Đất xây dựng trụ sở	ONT	210,0	4,5	945,0	
22	6	Đình Đèo Nhột	Huyện Phù Yên	Khu dân cư	ONT	2.000,0	0,5	1.000,0	
III		Huyện Vân Hồ				75.925,0		130.400,0	
23	1	Khu dân cư tại Km 173+500 Quốc lộ 6 bản Bó Nhàng 1, xã Vân Hồ (khu vực bãi đá sít)	Bản Bó Nhàng 1, xã Vân Hồ		ONT	1.800,0	Bảng 1 giá 1 triệu đồng; bảng 2 giá 0,5 triệu đồng	7.000,0	Bảo cáo số 1353/BC-UBND ngày 19/5/2017 của UBND huyện Vân Hồ về kết quả rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch
24	2	Khu dân cư đối diện Trường THCS Vân Hồ tại bản Suối Lìn, xã Vân Hồ bên phải tuyến đường Tỉnh lộ 101	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ	UBND xã Vân Hồ quản lý 0,7 ha; còn lại của hộ gia đình sử dụng	ONT	4.500,0	2,0	9.000,0	
25	3	Khu dân cư Trung tâm xã Liên Hòa	Xã Liên Hòa	Đất UBND xã quản lý	ONT	4.000,0	0,5	2.000,0	

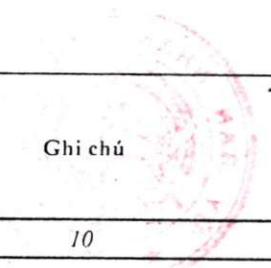


STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m2)	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
26	4	Khu dân cư đầu giá đợt 1 (Giáp đường giao thông trục chính Trung tâm hành chính huyện (31,5 m) gần khu quy hoạch các tổ chức tín dụng ,dịch vụ thương mại)	Tiểu khu Sao Đỏ 2, xã Vân Hồ	Đất giao Công ty CP giống bò sữa Mộc Châu đã thu hồi, UBND huyện quản lý	ONT	6.425,0	5,0	32.100,0	Báo cáo số 1353/BC-UBND ngày 19/5/2017 của UBND huyện Vân Hồ về kết quả rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch
27	5	Khu đất dân cư điều chỉnh từ đất dịch vụ thương mại (giáp đồi cây hoa Ban)	Xã Vân Hồ	Đất giao Công ty CP giống bò sữa Mộc Châu đã thu hồi	ONT	9.200,0	3,0	27.600,0	
28	6	Khu đất đổi diện trụ sở HĐND-UBND huyện (Khu đất giáp quy hoạch bến xe (lô 40), Phòng Giáo dục đào tạo (lô 10), Bảo hiểm xã hội (lô 12) - Trung tâm hành chính, chính trị	Xã Vân Hồ	Đất giao Công ty CP giống bò sữa Mộc Châu quản lý và hộ gia đình đang quản lý, sử dụng	ONT	32.000,0	1,5	48.000,0	
29	7	Khu giao đất đợt 4 (bổ sung) cho cán bộ, công chức, viên chức	Xã Vân Hồ	Có 0,8 ha đã thu hồi của Công ty CP giống bò sữa Mộc Châu và 1 ha đất của các hộ dân đang sử dụng	ONT	18.000,0	0,3	4.700,0	
IV		Thành phố Sơn La				44.378,9		232.948,8	
30	1	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng, bản buồn, phường Chiềng Cơi	Bản Buồn, phường Chiềng Cơi, TP Sơn La	ODT	ODT	116,1	11,5	1.335,4	Báo cáo số 349/BC-UBND ngày 25/5/2017 về xác nhận lại danh mục dự án tạo quỹ đất trong kế hoạch tạo quỹ đất sạch năm 2017
				ODT	ODT	1.074,0	11,8	12.704,0	
				HHDV	HHDV	752,0	33,6	25.267,2	
31	2	Khu Trung tâm hành chính - văn hóa Phật giáo tỉnh Sơn La	Bản Sắng, phường Chiềng Sinh	ODT	ODT	1.387,5	4,4	6.035,8	
				ODT	ODT	3.865,7	5,8	22.421,1	
32	3	Khu trụ sở UBND phường Quyết Thắng (cũ)	Phường Quyết Thắng, TP Sơn La	ODT	ODT	501,0	32,7	16.396,2	
33	4	Khu dân cư Sang Luông	Tổ 14, phường Quyết Thắng, bản Buồn, phường Chiềng Cơi, TP Sơn La	ODT	ODT	8.201,0	3,8	31.347,0	



STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m2)	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
34	5	Khu dân cư lô 4 kè suối Nậm La	Phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	LUC	ODT	4.150,0	4,5	18.675,0	Bảo cáo số 349/BC-UBND ngày 25/5/2017 về xác nhận lại danh mục dự án tạo quỹ đất trong kế hoạch tạo quỹ đất sạch năm 2017
35	6	Chu Văn An nhánh II	Tổ 2 Quyết Thắng	CLN	ODT	20.826,0	3,0	62.478,0	
36	7	Khu tổ 6, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Tổ 6, phường Quyết Thắng	ODT	ODT	74,5	6,9	511,0	
				ODT	ODT	608,4	6,4	3.893,8	
37	8	Khu dân cư tổ 11, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Tổ 11, phường Quyết Thắng		ODT	753,7	3,8	2.842,0	
38	9	Khu dân cư Đại Thắng tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La	Tổ 2, phường Quyết Thắng	ODT	ODT	869,0	9,6	8.342,4	
39	10	Dự án quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư bản Mé Ban phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	ODT	ODT	1.200,0	17,3	20.700,0	
	V	Huyện Mường La				6.114,0		28.325,6	
40	1	Khu đất bãi bán cũ, tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong	Đất bằng chưa sử dụng	ODT	900,0	3,7	3.315,6	Công văn 333/UBND ngày 25/5/2017 về việc rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017
41	2	Lô số 16 Khu dân cư Trung tâm xã Ngọc Chiến	Bản Đông Xuông-xã Ngọc Chiến	Đất dự phòng	ONT	1.880,0	2,0	3.760,0	
42	3	Khu đất nhà Văn hóa TK 1 – Mường Bú	Tiểu khu 1 – Mường Bú	Đất bằng chưa sử dụng	Đất ở nông thôn	400,0	5,0	2.000,0	
43	4	Khu đất Nhà văn hóa tiểu khu V, thị trấn Ít Ong	Tiểu khu 5-TT Ít Ong	Sân nhà văn hóa	Đất ở đô thị	684,0	11,5	8.000,0	
44	5	Lô CCC11 (Khu đất sân vận động tiểu khu V - Đối diện bến xe)	Thị trấn Ít Ong	Đất bằng chưa sử dụng	ODT	2.250,0	5,0	11.250,0	
	VI	Huyện Sông Mã				10.368,0		40.434,0	
45	1	Trại giống	Bản Trại Giồng, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã	SKC	ONT: 1200m2; DGT: 1,180 m2	1.200,0	8,3	9.960,0	Công văn 808/UBND ngày 19/5/2017 về việc rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017
46	2	Bản Mường Tờ, xã Mường Hung	Bản Mường Tờ, xã Mường Hung, huyện Sông Mã	LUC	ONT	800,0	1,5	1.200,0	

STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m ²)	Dự kiến giá 1 m ² (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
47	3	Đất thu hồi của Công ty cổ phần lương thực	Tổ 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	SKC	ODT	4.000,0	5,5	22.000,0	Công văn 808/UBND ngày 19/5/2017 về việc rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017
48	4	Khu đất diêm trường Mầm Non Hoa Hồng, bản Tân Lập	Bản Tân Lập, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	DGD	ONT	2.148,0	0,5	1.074,0	
49	5	Khu đất diêm trường Mầm Non Hoa Hồng, bản Khương Tiên	Bản Khương Tiên, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	DGD	ONT	720,0	1,4	1.000,0	
50	6	Công ty cổ phần thương mại Sông Mã	Bản Tân Lập, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	SKC	ONT	300,0	12,0	3.600,0	
51	7	Trung tâm y tế huyện (cũ)	Tổ 12, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	ODT	ODT	1.200,0	1,3	1.600,0	
	VII	Huyện Thuận Châu				6.624,8		14.681,0	
52	1	Chợ Trung tâm xã Phổng Lái				512,0	6,4	3.300,0	Báo cáo số 432/BC-UBND ngày 25/5/2017 của UBND huyện Thuận Châu Rà soát, đề xuất các điểm dự kiến thu tiền sử dụng đất năm 2017 trên địa bàn huyện Thuận Châu theo Công văn 827/STNMT-CCQLĐĐ
53	2	Trụ sở UBND xã Phổng Lái cũ				500,0	10,0	5.000,0	
54	3	Trạm y tế xã Púng Tra cũ				309,0	1,6	500,0	
55	4	Hạt 12 xã Chiềng Pha				1.600,0	1,0	1.600,0	
56	5	Khu trợ cũ trung tâm thị trấn Thuận Châu				16,5	17,0	281,0	
57	6	Bản Pán 2, bản Bó, bản Tà Ngẩn xã Chiềng Ly				3.687,3	1,1	4.000,0	
	VIII	Huyện Bắc Yên				4.577,8		15.961,1	
58	1	Đất Trung tâm bồi dưỡng chính trị (cũ)	Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên	ODT	ODT	419,4	1,0	427,8	Công văn số 831/UBND-TNMT ngày 19/5/2017 của UBND huyện về việc đính chính số liệu biểu thống kê khu đất dự kiến đầu giá tạo nguồn thu từ đất năm 2017
59	2	Đất giáp 1460	Tiểu khu 1, thị trấn Bắc Yên	ODT	ODT	252,0	7,1	1.782,2	
60	3	Đất giáp phòng Nông nghiệp, Hạt kiểm lâm	Tiểu khu 1, thị trấn Bắc Yên	ODT	ODT	463,0	7,1	3.274,4	
61	4	Đất trạm khuyến nông	thị trấn Bắc Yên	ODT	ODT	662,4	4,8	3.162,1	
62	5	Đất chân đồi nghĩa trang	Tiểu khu 4, thị trấn Bắc Yên	ODT	ODT	289,0	5,3	1.535,6	
63	6	Đất Suối Trám	Phiêng ban 1, thị trấn Bắc Yên	ODT	ODT	792,0	4,1	3.229,0	



STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m2)	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
64	7	Đất Trung tâm GDTX cũ	Thị trấn Bắc Yên		ODT	1.700,0	1,5	2.550,0	
	IX	Huyện Mai Sơn				18.949,4		36.172,0	
65	1	Các lô đất còn lại Khu dân cư quy hoạch mới tại tiểu khu 17	Thị trấn Hát Lót	Vườn thuốc đông y	ODT	2.974,3	0,7	2.000,0	Bảo cáo số 372/BC-UBND ngày 19/5/2017 của UBND huyện Mai Sơn Bảo cáo Rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sách năm 2017
66	2	Khu dân cư quy hoạch mới tại bản Nà Hạ (đất Trại ong cũ)	xã Chiềng Mung	Đất công ty ong cũ	ONT	2.500,0	2,0	5.000,0	
67	3	Khu dân cư bản Mu Kít (UBND tỉnh Sơn La đã thu hồi giao cho UBND huyện Mai Sơn quản lý theo Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 21/1/2016)	Xã Cò Nòi	Đất của Hạt kiểm lâm huyện	ONT	6.765,5	0,9	6.000,0	
68	4	01 thửa đất khu dân cư tiểu khu 21 (UBND tỉnh Sơn La đã thu hồi giao cho UBND huyện Mai Sơn quản lý theo Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 26/7/2004)	Thị trấn Hát Lót	Đất của Công ty xuất nhập khẩu tổng hợp Sơn La	ODT	100,6	2,6	266,0	
69	5	01 thửa đất khu dân cư tiểu khu 8	Thị trấn Hát Lót	Do điều chỉnh quy hoạch khu dân cư tiểu khu 8, Thị trấn Hát Lót	ODT	120,0	2,1	248,0	
70	6	01 thửa đất khu dân cư tiểu khu 4	Thị trấn Hát Lót		ODT	66,0	2,7	180,0	
71	7	Khu đất trạm bơm tiểu khu 5	Thị trấn Hát Lót	Đất của trạm bơm nước nhà máy KRAFP	ODT	189,0	1,6	300,0	
72	8	Khu đất đoàn điều tra quy hoạch cũ tại tiểu khu 14	Thị trấn Hát Lót	Đất đoàn điều tra quy hoạch	ODT	200,0	1,8	350,0	
73	9	Trụ sở cũ BQL dự án di dân TĐC huyện Mai Sơn tại TK6 thị trấn Hát Lót	TT Hát Lót	Đất BQL dự án 747 cũ	ODT	489,0	15,3	7.500,0	
74	10	Khu dân cư bản Áng xã Chiềng Ban	Xã Chiềng Ban		ONT			1.500,0	
75	11	Khu đất các hộ đang sử dụng tại khu quy hoạch khu dân cư tiểu khu 5	Thị trấn Hát Lót		ODT	4.000,0	2,5	10.000,0	
76	12	Thửa đất tại khu dân cư tiểu khu 21, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót		ODT	110,0	7,5	828,0	
77	13	Khu đất tại tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót	TT Hát Lót			285,0		500,0	
78	14	Khu đất tại tiểu khu 15, thị trấn Hát Lót	TT Hát Lót			1.150,0		1.500,0	

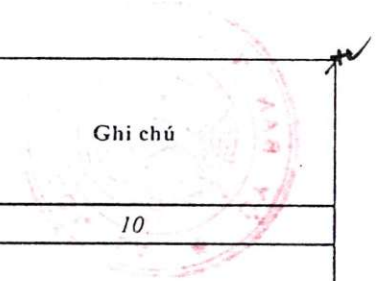
STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m ²)	Dự kiến giá 1 m ² (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
	X	Huyện Mộc Châu				37.196,3		225.138,3	
79	1	Khu đất Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện (cũ).	Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu		Đất ở	316,3		6.326,0	Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 25/5/2017 của UBND huyện Mộc Châu về việc rà soát danh mục dự án trong khai thác quỹ đất sạch năm 2017 trên địa bàn huyện Mộc Châu
		Lô số 01				107,3	20,0	2.146,0	
		Lô số 02				107,7	20,0	2.154,0	
		Lô số 03				101,3	20,0	2.026,0	
80	2	Khu đất Đài Truyền thanh - Truyền hình	Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu		Đất ở	771,8		12.542,2	
		Lô số 01				140,9	20,0	2.818,0	
		Lô số 02				140,9	20,0	2.818,0	
		Lô số 03				140,9	20,0	2.818,0	
		Lô số 04				142,4	20,0	2.848,0	
		Lô số 05				206,7	6,0	1.240,2	
81	3	Khu đất nhà Văn hóa tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu (cũ)	Tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu		Đất ở	494,2		7.413,0	
		Lô số 01				164,0	15,0	2.460,0	
		Lô số 02				161,6	15,0	2.424,0	
		Lô số 03				168,6	15,0	2.529,0	
82	4	Khu đất Hội Thọ (cũ)	Bản Tự Nhiên, xã Đông Sang		Đất ở	152,4		685,8	
		Lô số 01				152,4	4,5	685,8	
83	5	Khu đất trung tâm hành chính mới	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu		Đất ở	21.033,8		129.574,4	
	5.1	Khu đất LK 22+23, Vị trí 1				5.258,5		53.708,4	
		Lô số 01				149,3	12,0	1.791,0	
		Lô số 02				136,6	10,0	1.365,7	
		Lô số 03				136,8	10,0	1.367,5	
		Lô số 04				136,9	10,0	1.369,2	
		Lô số 05				137,1	10,0	1.371,0	
		Lô số 06				137,3	10,0	1.372,8	

12

STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m2)	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đấu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
		Lô số 07				137,5	10,0	1.374,6	Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 25/5/2017 của UBND huyện Mộc Châu về việc rà soát danh mục dự án trong khai thác quỹ đất sạch năm 2017 trên địa bàn huyện Mộc Châu
		Lô số 08				137,6	10,0	1.376,4	
		Lô số 09				137,8	10,0	1.378,2	
		Lô số 10				138,0	10,0	1.379,9	
		Lô số 11				138,2	10,0	1.381,7	
		Lô số 12				138,4	10,0	1.383,5	
		Lô số 13				138,5	10,0	1.385,3	
		Lô số 14				138,7	10,0	1.387,0	
		Lô số 15				138,9	10,0	1.388,8	
		Lô số 16				139,1	10,0	1.390,6	
		Lô số 17				139,2	10,0	1.392,4	
		Lô số 18				139,4	10,0	1.394,2	
		Lô số 19				139,1	10,0	1.390,6	
		Lô số 20				138,0	12,0	1.655,4	
		Lô số 21				136,8	12,0	1.641,0	
		Lô số 22				136,9	10,0	1.369,2	
		Lô số 23				137,1	10,0	1.371,0	
		Lô số 24				137,3	10,0	1.372,8	
		Lô số 25				137,5	10,0	1.374,6	
		Lô số 26				137,6	10,0	1.376,4	
		Lô số 27				137,8	10,0	1.378,2	
		Lô số 28				138,0	10,0	1.379,9	
		Lô số 29				138,2	10,0	1.381,7	
		Lô số 30				138,4	10,0	1.383,5	
		Lô số 31				138,5	10,0	1.385,3	
		Lô số 32				138,7	10,0	1.387,0	
		Lô số 33				138,9	10,0	1.388,8	



STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m ²)	Dự kiến giá 1 m ² (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
		Lô số 34				139,1	10,0	1.390,6	Bảo cáo số 351/BC-UBND ngày 25/5/2017 của UBND huyện Mộc Châu về việc rà soát danh mục dự án trong khai thác quỹ đất sạch năm 2017 trên địa bàn huyện Mộc Châu
		Lô số 35				139,2	10,0	1.392,4	
		Lô số 36				139,4	10,0	1.394,2	
		Lô số 37				139,1	10,0	1.390,6	
		Lô số 38				138,0	12,0	1.655,4	
	5.2	Khu đất LK 22+23, Vị trí 2				5.258,5		26.854,2	
	5.3	Khu đất NV 23+24, Vị trí 3				5.258,5		32.674,6	
	5.4	Khu đất NV 23+24, Vị trí 4				5.258,5		16.337,3	
84	6	Khu đất thu hồi Công ty CP ĐTXD Mộc Châu	Tiểu khu Bó Bun, TT Nông Trường Mộc Châu		Đất sản xuất kinh doanh	7.002,0		882,3	
		Lô số 01				7.002,0	0,1	882,3	
85	7	Khu đất Thanh tra giao thông I02	Tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu		Đất ở	279,0		1.395,0	
		Lô số 01				279,0	5,0	1.395,0	
86	8	Khu đất trụ sở HĐND-UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu 40, thị trấn Nông Trường Mộc Châu			1.466,4		34.979,5	
		Lô số 01			Đất ở	931,2	14,6	13.609,5	
		Lô số 02			Đất ở	128,6	50,0	6.430,0	
		Lô số 03			Đất ở	127,1	50,0	6.355,0	
		Lô số 04			Đất ở	125,5	50,0	6.275,0	
		Lô số TM 01			Đất TMDV	154,0	15,0	2.310,0	
87	9	Khu đất tại Ao bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên	Tiểu khu 40, thị trấn Nông Trường Mộc Châu			3.874,0		2.000,0	
88	10	Khu đất trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo cũ	Tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu		Đất ở	1.263,3		21.433,6	
		Lô số 1				278,6	17,0	4.736,2	
		Lô số 2				268,0	17,0	4.556,0	



STT		Tên Khu đất	Địa điểm khu đất	Mục đích theo hiện trạng	Mục đích theo QH	Diện tích khu đất (m2)	Dự kiến giá 1 m2 (triệu đồng)	Dự kiến số tiền đầu giá (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7*8	10
		Lô số 3				257,4	17,0	4.375,0	Báo cáo số 351/BC-UBND ngày 25/5/2017 của UBND huyện Mộc Châu về việc rà soát danh mục dự án trong khai thác quỹ đất sạch năm 2017 trên địa bàn huyện Mộc Châu
		Lô số 4				246,9	17,0	4.196,5	
		Lô số 5				212,5	16,8	3.570,0	
89	11	Khu đất thu hồi Công ty CP Than khoáng sản	Tiểu khu Nhà Nghi, thị trấn NT Mộc Châu		Đất ở	495,1	15,0	7.426,5	
90	12	Thửa đất số Khu đất Trường MN Hoa Hồng (cũ)	Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu		Đất ở	48,0	10,0	480,0	
	XI	Huyện Sốp Cộp				7.981,4		51.126,9	
91	1	Khu vực Chợ cũ từ mốc D7-D8-D20-D20'-D19 (Khu vực quy hoạch lô số 24)	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	ONT	ONT	7.904,9	6,4	50.591,4	Công văn số 2423/UBND-TNMT ngày 25/5/2017 của UBND huyện Sốp Cộp về việc rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017
92	2	Khu vực D77-D78-D79-D29-D30 (phía bên phải đường 21m hướng đi xã Nậm Lạnh)	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	ONT	ONT	76,5	7,0	535,5	
	XII	Huyện Yên Châu				3.200,0		10.600,0	
93	1	Khu đất dân cư Trung tâm xã Chiềng On	Bản Nà Đít, xã Chiềng On	Đất ở	ONT	1.000,0	1,2	1.200,0	Công văn số 607/UBND-TNMT ngày 24/5/2017 của UBND huyện rà soát danh mục dự án trong kế hoạch khai thác quỹ đất sạch năm 2017
94	2	Khu dân cư Sân vận động cũ - Trung tâm xã Phiêng Khoài	Kim Chung 1 xã Phiêng Khoài	Đất ở	ONT	1.200,0	4,9	5.900,0	
95	3	Đất cung giao thông Hạt 7 cũ	Bản Tà Làng Thấp, xã Tú Nang	Đất trụ sở	ONT	500,0	3,0	1.500,0	
96	4	Khu dân cư Trung tâm xã Chiềng Đông	Trung tâm xã Chiềng Đông	Đất ở	ONT	500,0	4,0	2.000,0	